

Fund Factsheet

Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (DFVN-FIX)

Ngày 30/04/2025

Mục tiêu đầu tư:

Quỹ hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

Chiến lược đầu tư:

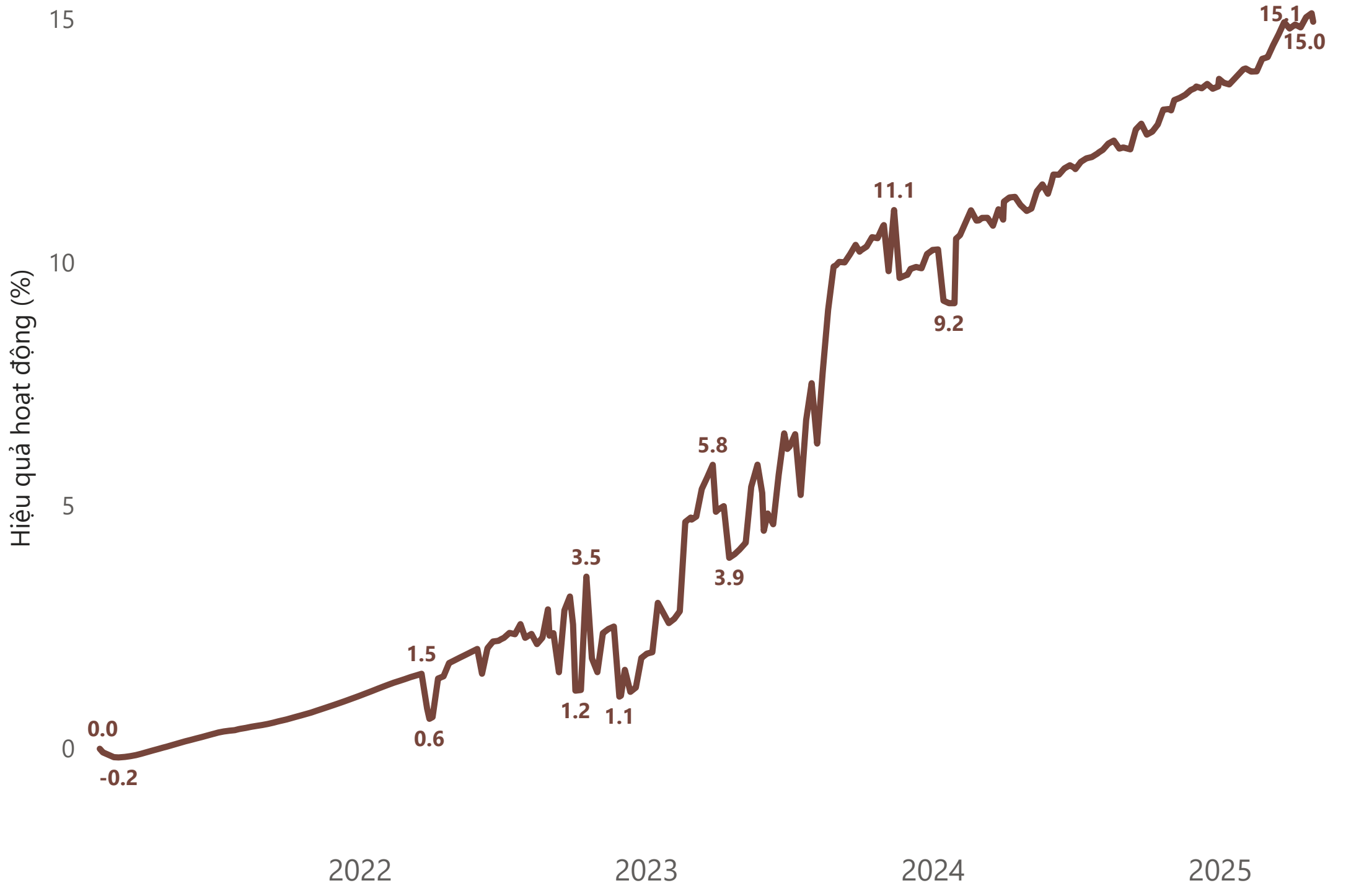
Quỹ định hướng xây dựng một danh mục bao gồm tín phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

THÔNG TIN QUỸ

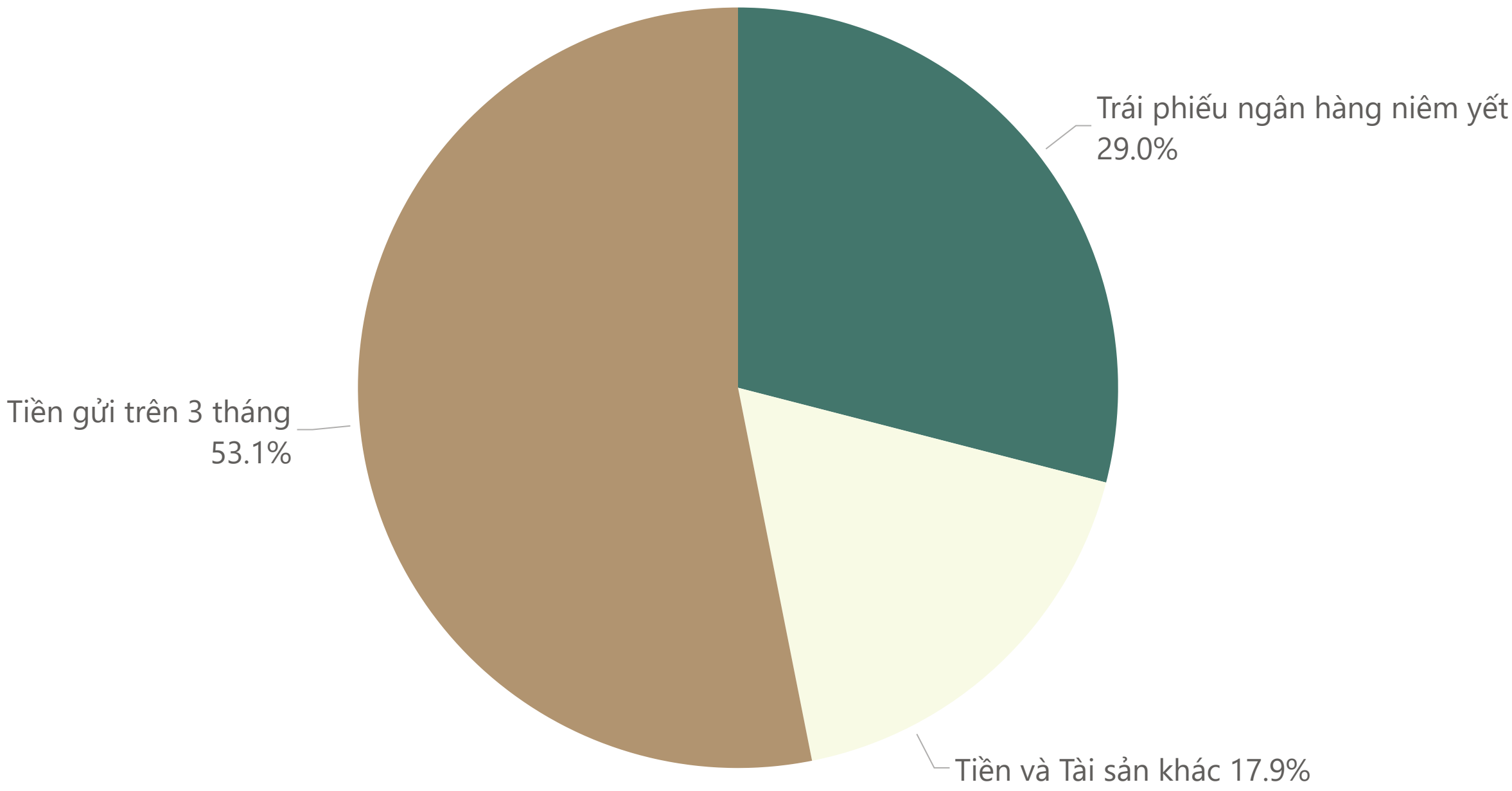
Thông tin Quỹ	DFVN-FIX
Ngày thành lập	04/02/2021
Tổng tài sản (NAV)	78.82 tỷ đồng
Ngân hàng Giám sát	HSBC Việt Nam
Phí quản lý	0.5%/năm
Phí phát hành*	Miễn phí
Phí yêu cầu mua lại*	0-0.5%
Ngày giao dịch	Thứ ba hàng tuần (T)
Hạn cuối nhận lệnh	11:30 Sáng thứ hai (T-1)
NAV/CCQ	11,495.62 VNĐ

*Xem chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (%)



PHÂN BỐ DANH MỤC ĐẦU TƯ



LỢI NHUẬN THEO TỪNG KỲ-Xem báo cáo GIPS ở trang tiếp theo

Tăng trưởng (%)	DFVN-FIX
Lợi nhuận 1 tháng	0.12
Lợi nhuận 3 tháng	0.86
Lợi nhuận 9 tháng	2.39
Lợi nhuận từ đầu năm	1.03
Lợi nhuận từ khi thành lập	14.96
Độ biến động hàng tháng (trung bình trượt 3 năm, %)*	0.65

*Thay đổi phương pháp tính từ tháng 06/2024

(Nguồn: DFVN, HNX)

TOP 5 DOANH NGHIỆP TỶ TRỌNG ĐẦU TƯ LỚN NHẤT

Công ty	% NAV
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	16.9%
Ngân hàng TMCP Á Châu	16.9%
Ngân hàng TMCP Quân đội	15.6%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN	14.1%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	13.0%

Năm	Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	Tỷ suất sinh lợi chỉ số tham chiếu (%)	Thông tin bổ sung (Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng (%))	Tỷ suất lợi nhuận trung bình hàng năm trong 3 năm (%)			Độ lệch chuẩn trung bình hàng năm trong 3 năm (%)			Tổng tài sản Quỹ quản lý (Tỷ đồng)	Tổng tài sản Công ty quản lý (Tỷ đồng)
					Quỹ	Chỉ số tham chiếu	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng	Quỹ	Chỉ số tham chiếu	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng		
Từ 04/02/21 - 31/12/21	1.08	3.44	4.67	2.84	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	63.27	41,368.13
2022	0.84	3.14	5.40	3.53	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	63.63	42,772.59
2023	8.16	10.54	6.66	3.99	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	69.09	57,802.91

1. DFVN tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực đo lường Hiệu suất đầu tư Toàn cầu (GIPS® - Global Investment Performance Standards) và đã chuẩn bị trình bày báo cáo này tuân theo các tiêu chuẩn của GIPS®. DFVN đã thiết lập các chính sách và quy trình để tuân thủ tất cả các yêu cầu áp dụng của tiêu chuẩn GIPS®. Tuy nhiên, việc tuân thủ theo các chuẩn mực GIPS® của DFVN chưa được một bên độc lập khác xác minh.
2. Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("DFVN") được thành lập và hoạt động từ tháng 02 năm 2014, tiền thân là Phòng Đầu tư Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, một trong những công ty Bảo hiểm Nhân thọ có vốn nước ngoài đầu tiên được thành lập tại Việt Nam. DFVN hiện tại đang quản lý các danh mục ủy quyền của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. Đồng thời, DFVN hiện đang quản lý 02 quỹ mở là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN-CAF") và Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN-FIX")
3. Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.
4. Chỉ số tham chiếu được chọn để tuân thủ đúng theo các tiêu chuẩn của GIPS® là bình quân lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước, bao gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
5. Bình quân lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 1 tháng của 4 ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước, bao gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank là một chỉ số tham chiếu tham khảo bổ sung cho chỉ số lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng. Chỉ số này được ghi nhận là "Thông tin bổ sung" trong báo cáo theo chuẩn mực GIPS®.

6. Định giá và tính toán trong báo cáo trên được tính dựa trên Việt Nam đồng. Các quy tắc định giá, tính toán hiệu suất và việc chuẩn bị báo cáo GIPS® có sẵn khi được yêu cầu.

7. Lợi nhuận Quỹ bao gồm lợi nhuận ròng và lợi nhuận gộp. Tổng chi phí của Quỹ bao gồm phí quản lý Quỹ, chi phí hành chính và các khoản chi phí khác. Để tính lợi nhuận gộp, DFVN cộng thêm một tỷ lệ tổng chi phí (TER - Total expense ratio) hàng tháng vào tỷ suất lợi nhuận ròng. Tỷ lệ tổng chi phí của Quỹ sẽ được tính dựa trên tổng chi phí và tổng tài sản ròng bình quân và được phản ánh trên chi phí giao dịch. Phí quản lý Quỹ tối đa sẽ là 0.9%/năm và có thể phát sinh giảm trong thời gian tới. Vui lòng xem kỹ Bản Cáo bạch của Quỹ để biết thêm thông tin chi tiết. Tỷ lệ chi phí của Quỹ tại thời điểm cuối năm tài chính gần nhất (31/12/2023) là 2.17%.

8. Tỷ suất lợi nhuận gộp được sử dụng để tính độ lệch chuẩn trung bình hàng năm trong 3 năm.

9. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2023, 25.04% tổng giá trị hợp lý được định giá bằng các mô hình định giá nội bộ, không mang tính thị trường.

10. Danh sách mô tả về Quỹ sẽ luôn có sẵn khi được yêu cầu.

11. Ngày thành lập và cũng là ngày Quỹ đi vào hoạt động là 04/02/2021.

12. Độ lệch chuẩn trung bình hàng năm trong 3 năm cho biết độ biến động của Quỹ so với chỉ số tham chiếu trong vòng 36 tháng. DFVN sử dụng lợi nhuận gộp để tính độ lệch chuẩn.

13. GIPS® là nhãn hiệu được đăng ký quyền sở hữu của viện CFA. Viện CFA không bảo trợ hoặc quảng cáo cho tổ chức này, cũng như không bảo đảm về tính chính xác hoặc chất lượng của nội dung được chứa trong đây.